

Số: 42 /2017/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 1637
	Ngày: 19/12
	Chuyên:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2017/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình và Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh trình, đồng thời nhấn mạnh:

1. Mục tiêu phát triển

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình trọng điểm của kế hoạch kinh tế - xã hội 2016 - 2020, trong đó, tập trung đẩy mạnh phát triển du lịch - dịch vụ, khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Chỉ tiêu kinh tế

- Tổng sản phẩm trong tỉnh tăng 7,5% - 8%.
- Tổng sản phẩm trong tỉnh bình quân đầu người (GRDP): 1.750 USD.
- Giá trị xuất khẩu hàng hoá: 920 triệu USD.
- Tổng đầu tư toàn xã hội: 20.000 tỷ đồng.
- Thu ngân sách nhà nước: 6.830 tỷ đồng.

b) Chỉ tiêu xã hội

- Phân đầu giảm tỷ lệ sinh 0,2‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 10,8‰.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,06% (còn 5%).
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 7,6% theo cân nặng và dưới 10,4% theo chiều cao.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 95%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 62%.
- Tạo việc làm mới: 16.000 người.

c) Chỉ tiêu phát triển môi trường

- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch: 80%.
- Ổn định tỷ lệ che phủ rừng: 57%.
- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 96%.

3. Các chương trình trọng điểm và dự án trọng điểm

a) Các chương trình trọng điểm

- Chương trình phát triển du lịch - dịch vụ
- Chương trình phát triển doanh nghiệp
- Chương trình phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật; trọng tâm là hạ tầng giao thông.
- Chương trình cải cách hành chính.

b) Các dự án trọng điểm

Tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm (chi tiết ở Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm).

4. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản tán thành các nhiệm vụ, giải pháp do UBND tỉnh trình; đồng thời, yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan hữu quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

a) Đẩy mạnh phát triển du lịch và các lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp có giá trị gia tăng cao

Tập trung thực hiện quyết liệt Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển du lịch, dịch vụ Thừa Thiên Huế, trong đó, tập trung chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển các thị trường du lịch mục tiêu; tổ chức thành công Festival Huế lần thứ 10 - năm 2018. Xây dựng và phát động chương trình “Sản phẩm du lịch của năm”. Tập trung nguồn lực xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm du lịch mới, trong đó năm 2018 ưu tiên hoàn thành tuyến phố đi bộ dọc sông Hương (đường Nguyễn Đình Chiểu) gắn với không gian bảo tàng dọc đường Lê Lợi. Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động liên kết, hợp tác, quảng bá du lịch và tuyên truyền, nâng cao ý thức về du lịch cho người dân.

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa hỗ trợ cho dịch vụ du lịch.

Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, chú trọng công nghiệp phần mềm. Rà soát và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ tốt nhất cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực này. Xây dựng cơ chế kết nối nhà trường,

doanh nghiệp, chính quyền trong đào tạo, tuyển dụng, xúc tiến đầu tư để tạo nên hệ sinh thái bền vững cho phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

b) Phát triển công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế khác

Tập trung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Tăng cường xúc tiến các dự án đầu tư thứ cấp vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hoàn thiện các công trình hạ tầng phục vụ cho khu công nghiệp. Khuyến khích đầu tư các dự án sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất ngành công nghiệp dệt may, bia, chế biến cát, silicat chất lượng cao.

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phát triển nông nghiệp nông thôn toàn diện, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Rà soát, bổ sung một số cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông sản đạt tiêu chuẩn VietGap, nông sản hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao. Xây dựng phát triển các sản phẩm chủ lực gắn liền với xây dựng thương hiệu và chuỗi giá trị. Tăng diện tích rừng đạt tiêu chuẩn FSC.

Cơ cấu lại thu, chi ngân sách gắn với cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả đầu tư công theo Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị. Thực hiện quyết liệt các biện pháp thu nợ đọng thuế và chống thất thu thuế. Tiếp tục quản lý, điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả theo dự toán được giao. Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 16/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ; triển khai chuyên đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển kinh tế. Điều chỉnh cơ chế, chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Huy động các nguồn vốn (kể cả vay các tổ chức tài chính) để giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch nhằm thu hút đầu tư. Khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng theo hướng xã hội hóa; trước mắt, triển khai các dự án BT về hạ tầng giao thông. Đôn đốc, hỗ trợ tối đa các dự án trọng điểm. Giám sát chặt chẽ, xử lý kịp thời đối với các nhà đầu tư không đảm bảo tiến độ theo cam kết.

c) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và các thành phần kinh tế

Tiếp tục cải cách hành chính gắn liền với xây dựng chính quyền điện tử và áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001-2015 hướng đến cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi hơn. Cải cách một cách đồng bộ bộ máy hành chính nhà nước. Xây dựng lề lối, phong cách chuyên nghiệp, hiện đại cho cán bộ, công chức. Vận hành hiệu quả Trung tâm hành chính công tỉnh, cấp huyện, mô hình một cửa hiện đại cấp xã. Hoàn thiện hệ thống thông tin doanh nghiệp phục vụ việc cấp và sử dụng thẻ điện tử doanh nghiệp.

Duy trì chỉ số cải cách hành chính của tỉnh nằm trong nhóm tốt nhất của cả nước. Thực hiện các giải pháp cải thiện vị thứ xếp hạng các chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công.

Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới; thực hiện đề án phát triển doanh nghiệp và đề án phát triển kinh tế tư nhân. Khuyến khích, hỗ trợ doanh

nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp. Tiếp tục thực hiện Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp với lĩnh vực tín dụng ưu tiên. Thu hút các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu làm động lực lan tỏa xây dựng đội ngũ doanh nhân.

Đẩy mạnh phát triển hợp tác xã, hướng đến việc đáp ứng về xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục sắp xếp doanh nghiệp nhà nước còn lại.

d) Tập trung nguồn lực phát triển đô thị, nông thôn

Phát triển đô thị Huế: Thực hiện Đề án mở rộng đô thị Huế sau khi được phê duyệt. Tiếp tục sắp xếp một số nút giao thông, chỉnh trang các tuyến phố trọng yếu, các công viên, điểm cây xanh. Chỉnh trang nút giao ngã 6 (Hùng Vương - Lê Quý Đôn - Đông Đa - Hà Nội - Bến Nghé), đường Võ Văn Kiệt. Hoàn thành giải tỏa, chỉnh trang Thượng Thành, Eo bầu phía Nam. Đẩy nhanh tiến độ dự án Cải thiện môi trường nước thành phố Huế. Tiếp tục hoàn chỉnh hạ tầng một số khu tái định cư phục vụ giải tỏa, tạo quỹ đất (Lịch Đới, Bàu Vá, Hương Sơ, khu đô thị An Vân Dương...). Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khu nhà ở: nhà ở An Đông, khu phức hợp Thủy Vân, khu nhà ở K2 - An Vân Dương; đôn đốc nhà đầu tư hoàn chỉnh khu đô thị An Cựu, Đông Nam Thủy An, Phú Mỹ Thượng.

Từng bước xây dựng đô thị thông minh, đô thị xanh; tập trung cho đô thị Huế và vùng phụ cận, dịch vụ cấp thiết.

Phát triển đô thị động lực và các đô thị vệ tinh: Tiếp tục đầu tư ưu tiên các đường nội thị các thị xã Hương Thủy, Hương Trà và các thị trấn: Thuận An, Sịa; chỉnh trang một số tuyến đường trên địa bàn huyện Phong Điền, Quảng Điền kết hợp với chỉnh trang về điện chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh. Hoàn chỉnh quy chế quản lý kiến trúc đô thị tại các địa phương Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc, Nam Đông, A Lưới. Đôn đốc các đề án nâng cấp đạt tiêu chí đô thị loại V: La Sơn, Vinh Thanh, Vinh Hiền, Thanh Hà, Phong Điền, Điền Lộc.

Đầu tư hạ tầng nhà ở xã hội, các khu tái định cư, khu dân cư tập trung ở các đô thị. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nhà ở cho công nhân ở các khu công nghiệp.

Xây dựng nông thôn: Thực hiện các đề án hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn để sớm đưa các xã điểm, huyện điểm đạt chuẩn nông thôn mới. Ưu tiên tập trung đầu tư cho các xã gần đạt chuẩn 19/19 tiêu chí. Phân đầu có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

đ) Phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Phát huy các thiết chế về văn hoá, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ của Trung ương đóng trên địa bàn trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi để thành lập Trung tâm Công nghệ sinh học quốc gia miền Trung và các thiết chế khác của Trung ương trên địa bàn.

Tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao và lịch sử nổi bật trong năm. Tăng cường quảng bá về thành phố Huế - thành phố Festival, thành phố văn hóa ASEAN, thành phố bền vững về môi trường ASEAN và thành phố xanh Quốc

gia, "Huế một điểm đến - năm di sản". Thực hiện kế hoạch thuộc lĩnh vực văn hóa, chú trọng thiết chế văn hóa tại thành phố Huế hướng đến việc thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam.

Thực hiện tốt các nội dung về "đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo"; phát triển toàn diện năng lực thể chất, nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên. Thực hiện tự chủ tài chính đối với một số trường học ở những nơi có điều kiện.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hoàn thiện các trạm y tế xã phường thị trấn trên toàn tỉnh, trong đó ưu tiên 4 xã chưa đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế ở 2 huyện A Lưới và Phong Điền. Kết hợp giữa chăm sóc sức khỏe ban đầu với các dịch vụ y tế chuyên sâu, dịch vụ y tế kỹ thuật cao, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại. Tiếp tục sắp xếp các đơn vị sự nghiệp y tế; sáp nhập các đơn vị làm nhiệm vụ dự phòng tuyến tỉnh thành Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, chuyển nhiệm vụ điều trị sang các bệnh viện. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân dân.

Thực hiện quy hoạch và kế hoạch thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, triển khai chiến lược phát triển thương hiệu các đặc sản tỉnh... Xây dựng tối thiểu 02 sản phẩm được đăng ký chỉ dẫn địa lý.

Chuyên dịch việc làm khu vực nông nghiệp theo hướng phi nông nghiệp. Phổ biến chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động (phần đầu đưa 500 lao động xuất khẩu). Xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường lao động. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lao động.

Tiếp tục thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo theo tiếp cận đa chiều, phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 5%. Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, các chế độ ưu đãi người có công. Chú trọng các phong trào, kế hoạch bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, công tác bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực, xâm hại trẻ em...

e) Quản lý tài nguyên và môi trường, thích nghi biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và cấp đổi giấy chứng nhận. Thực hiện các dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý đất đai.

Triển khai các đề án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản, tài nguyên và môi trường biển và hải đảo; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án lĩnh vực quản lý tài nguyên nước; hoàn thành đề án Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu, Xây dựng nhóm truyền thông cơ sở hỗ trợ thông tin cho cộng đồng dân cư miền núi và ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện các hoạt động hưởng ứng cuộc vận động "Toàn dân xây dựng Thừa Thiên Huế không rác thải". Thực hiện kế hoạch phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp; chủ động phòng chống khô hạn, lụt bão,...

g) Công tác đối ngoại, quốc phòng an ninh

Thúc đẩy hội nhập quốc tế và tăng cường công tác ngoại giao, hợp tác quốc tế. Kết hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại với quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; chủ động kêu gọi, vận động nguồn viện trợ và triển khai hiệu quả các chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ. Duy trì quan hệ truyền thống với các địa phương của nước bạn Lào.

Thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng. Tăng cường quốc phòng, an ninh, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm, vùng biên giới; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Mở các đợt cao điểm vận động quần chúng tấn công, kiểm chế các loại tội phạm; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; tăng cường phòng, chống cháy, nổ. Bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện quan trọng, đặc biệt là Festival Huế năm 2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

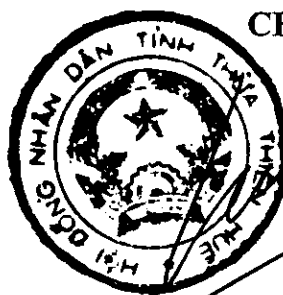
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi toàn thể cán bộ, quân và dân trong tỉnh nêu cao tinh thần làm chủ, đoàn kết, nhất trí, phát huy những kết quả đạt được, huy động mọi nguồn lực, tạo chuyển biến đồng bộ và mạnh mẽ trên các lĩnh vực, phấn đấu thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ kế hoạch năm 2018, hướng đến hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2017./.

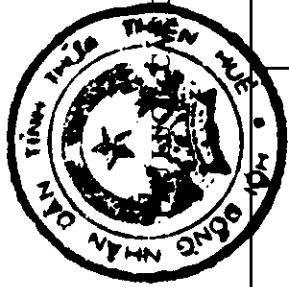
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu QH;
- Các Bộ: TC, KHĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- các cơ quan TW trên địa bàn;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và Tp Huế;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, LT.



CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu



ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM NĂM 2018 - NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH

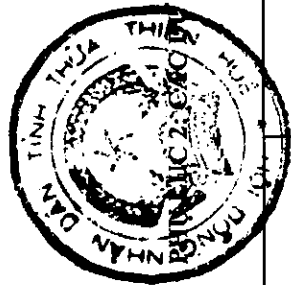
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
	Tổng số					6.250.378	1.348.017	813.589	
I	Các dự án hoàn thành năm 2018					674.613	394.827	54.500	
1	Nâng cấp đê Tây phá Tam Giang đoạn Km11+476 đến Km33+043	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	Q.Đ-H.Tr	2015-2018	21,6km	225.174	35.500	2.500	Hoàn thành giai đoạn I là 39,7 tỷ NSTW 35,5 tỷ
2	Đường nối từ đường Phạm Văn Đồng đến đường thủy Dương - Thuận An	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2013-2017		127.339	114.530	5.500	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu định cư Bầu Vá giai đoạn 3	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	Huế	2014-2018	3,2ha; 112 lô	48.012	34.307	5.000	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐ4 thuộc khu B- An Vân Dương.	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	H.thủy	2016-2020	3,74ha	38.173	28.610	3.000	
5	Chỉnh trang một phần khu đất CTR4 thuộc khu A- Đô thị mới An Vân Dương	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2016-2019	2,87ha	25.723	12.350	4.500	
6	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải và chất thải tại Trung tâm y tế thị xã Hương thủy, Trung tâm y tế huyện Nam Đông và Bệnh viện Đa khoa Bình Điền	Sở Y tế	H.thủy-N.Đông, H.Trà	2017-2020		30.680	20.000	10.000	Vốn SN
7	Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lăng Tự Đức	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2015-2018		105.406	92.030	13.000	
8	Bồi thường, GPMB khu đất xây dựng khu đô thị hành chính tỉnh TTH	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2016-2018	17,2ha	24.176	18.500	5.000	

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
9	Đường từ xã A Roàng ra biển giới	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	A.Luới	2015-2018		49.930	39.000	6.000	
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					3.004.747	922.080	212.034	
1	Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp mở rộng cảng cá Thuận An	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	P. Vang	2015-2019	500 chiếc/300 CV	178.170	30.000	4.000	Hoàn thành Giai đoạn 1 là 39,8 tỷ. Tr. do NST W 29 tỷ.
2	Kè chống sạt lở bờ sông Hương đoạn qua phường Hương Hồ, xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà và xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	H-H. Trà	2018-2020	3,49km	82.810	14.850	11.989	TTKLHT giai đoạn 1 là 3.989 tỷ.
3	Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	Q.Điền	2016-2020	7,4km	274.633	63.495	25.000	Hoàn thành giai đoạn 1 là 130 tỷ đồng
4	Đường cứu hộ cứu nạn Thủy phù - Vinh Thanh	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	H.Th-PV	2018-2020	14,5 km	155.806	72.000	15.000	
5	Đường cứu hộ cứu nạn thị trấn Phong Điền - Điền Lộc(giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	P.Điền	2018-2020	17km	671.988	162.000	10.000	Giai đoạn 1 là 212 tỷ đồng
6	Đường mặt cắt 36m, nối từ đường Nguyễn Lộ Trạch đến đường ra sông Phát Lát nối dài	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2016-2019	530m	42.402	9.450	4.000	
7	Dự án Cầu bắc qua sông Lợi Nông(nối từ đường 26m khu nhà ở An Đông sang đường 100 khu A, Khu đô thị mới An Vân Dương)	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2017-2020	D:50m; R: 26m	32.000	4.250	5.000	
8	ĐA cải thiện môi trường nước thành phố Huế	Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Huế	Huế	2008-2019		659.983	231.557	40.045	Bồi ứng ODA

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
9	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư TĐC2 - đô thị mới An Vân Dương	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2015-2020	9,1ha, 248 lô	123.782	17.466	5.000	
10	Hạ tầng kỹ thuật khu định cư Bàu Vá, giai đoạn 4	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	Huế	2017-2020	4ha	69.935	7.060	7.000	
11	HT kỹ thuật khu tái định cư Hương Sơ, giai đoạn 4	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	Huế	2016-2020	13,7ha	114.411	16.350	8.000	
12	Dự án HTKT khu TĐC thủy Thanh giai đoạn 3.	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	H. thủy	2016-2020	8,8 ha	99.429	45.860	7.000	
13	Dự án HTKT khu TĐC thủy Dương giai đoạn 3.	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	H. thủy	2016-2020	8,9 ha	113.110	60.507	7.000	
14	Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải khu công nghiệp và khu phi thuế quan	Ban QL Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh TTH	P. Lộc	2016-2018		268.710	171.725	42.000	
15	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực Hoàng Thành	Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế	Huế	2016-2020		54.578	8.510	14.000	
16	Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh TTH	Sở Y tế	Huế	2016-2020	3,7ha	63.000	7.000	7.000	Giai đoạn I là 45 tỷ.
III	Các dự án khởi công mới năm 2018					2.571.018	31.109	547.055	
1	Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	tỉnh	2018-2020		85.790	60	6.000	
2	Kè chống sạt lở sông Bồ đoạn qua các xã Phong An, Phong Sơn thuộc huyện Phong Điền và các phường Hương Vãn, Tứ Hạ, Hương Xuân và Hương Toàn thuộc thị xã Hương Trà	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	P.Đ-H. Trà	2017-2020	4,75km	81.906	50	7.000	

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
3	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập(WB8)-Tiểu dự án tỉnh Thừa Thiên Huế	Ban QLDA sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh TTH(gửi về ban NN và PTNT)	tỉnh	2017-2020		124.930	139	1.500	Đội ứng ODA
4	Đường Chợ Mai - Tân Mỹ, huyện Phú Vang	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	P. Vang	2018-2021	4,83km	195.821	2.090	16.355	
5	Đường Phú Mỹ - Thuận An, huyện Phú Vang	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	P. Vang	2018-2022	4,13km	344.985	1.540	30.000	Giai đoạn 1 là 247,9 tỷ
6	Đường nối từ Quốc lộ 1A vào vườn quốc gia Bạch Mã, huyện Phú Lộc	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Phú Lộc	P. Lộc	2018-2021	2,8km	82.731	80	10.000	
7	Đê chắn sóng cảng Chân Mây	Ban QL Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh TTH	P. Lộc	2017-2020	750m	849.950	4.530	406.200	
8	Đường phía Đông đầm Lập An	Ban QL Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh TTH	P. Lộc	2018-2020	4,5km	157.789	110	25.000	
9	Dự án "Chương trình phát triển các đô thị loại III(các đô thị xanh)-tiểu dự án Thừa Thiên Huế	Ban QLDA ĐTXD Chương trình phát triển các đô thị loại II(các đô thị xanh)	Huế-H. thủy	2016-2020		254.194	19.000	20.000	
10	Phục hồi Điện Kiến Trung-Từ Cẩm Thành	Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế	Huế	2017-2020		123.788	1.310	10.000	
11	Văn phòng làm việc một số cơ quan đơn vị thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2018-2020	11.783m2	269.134	2.200	15.000	Giai đoạn 1 là 114 tỷ(Tr.đó: DP 15 tỷ)



AN TRỌNG ĐIỂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐANG TRIỂN KHAI VÀ CHUẨN BỊ KHỞI CÔNG 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
A	Các dự án ngoài KCN, KKT, Khu đô thị mới					20.991.501	3.902.500	3.700.000	
I	Các thuộc lĩnh vực công nghiệp					4.561.714	1.886.500	1.670.000	
1	Các dự án đang triển khai, khởi công 2017					3.623.427	1.836.500	1.300.000	
1.1	Nhà máy thủy điện Thượng Nhật	Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền trung Việt Nam	Huyện Nam Đông	Quý III/2016 - Quý I/2018	Công suất lắp máy: 7 MW	259.880	163.000	100.000	Dự kiến đưa vào hoạt động quý II/2018
1.2	Nhà máy thủy điện Alin B2	Công ty Cổ phần Thủy điện ALin 2	Xã Phong Mỹ, Phong Điền và Hồng Vân, A Lưới	Quý I/2016 - Quý IV/2018	Công suất lắp máy 20MW, điện lượng trung bình hàng năm 80,65 triệu Kwh/năm	600.000	450.000,0	80.000	
1.3	Nhà máy thủy điện A Lin B1	Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điền và xã Hồng Trung, Hồng Vân, huyện A Lưới	30/8/2010 - Quý IV/2018	Công suất lắp máy 42 MW, điện lượng trung bình hàng năm 177,42 triệu KWh	917.500	591.000,0	300.000	
1.4	Nhà máy thủy điện A Lin thượng	Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Xã Hồng Trung và xã Hồng Vân, huyện A Lưới	Quý II/2016 - Quý IV/2017	Công suất lắp máy 2,5MW, điện lượng trung bình hàng năm 8,043 triệu KWh/năm	73.347	22.500,0	40.000	

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
1.5	Nhà máy thủy điện Rào Trăng 4	Công ty cổ phần thủy điện Rào Trăng 4	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điện, tỉnh Thừa Thiên Huế	Quý I/2016 - Quý III/2018	Công suất thiết kế 14MW, điện năng trung bình hàng năm 46,294 triệu KWh	494.000	270.000,0	100.000	
1.6	Nhà máy thủy điện Rào Trăng 3	Công ty cổ phần thủy điện Rào Trăng 3	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điện, tỉnh Thừa Thiên Huế	Quý II/2016 - Quý IV/2018	Công suất lắp máy 13 MW, điện lượng trung bình hàng năm 42,132x106 Kwh	408.700	150.000	80.000	
1.7	Nhà máy điện mặt trời Phong Điện	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Huyện Phong Điện	Quý IV/2017 Quý IV/2018	Công suất lắp máy: 35 MW	870.000	190.000	600.000	Dự kiến đưa vào hoạt động cuối năm 2018
2	Các dự án đang triển khai dự kiến khởi công 2018					938.287	50.000	370.000	
2.1	Nhà máy Thủy điện Sông Bồ	Công ty cổ phần thủy điện Sông Bồ	Huyện A Lưới	Quý III/2017 - Quý III/2019	Công suất lắp máy: 15 MW	480.000	50.000	50.000	
2.2	Trạm nghiên xi măng số 2 công suất 900.000 tấn xi măng/năm – Nhà máy xi măng Đồng Lâm	Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Lâm và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Đồng Lâm.	Huyện Phong Điện	Quý II/2018 - Quý II/2019	công suất 900.000 tấn xi măng/năm	458.287		320.000	
II	Các dự án thuộc lĩnh vực dịch vụ thương mại					10.274.190	1.025.000	1.175.000	
1	Các dự án đang triển khai, khởi công 2017					1.531.560	920.000	565.000	
1.1	Trung tâm thương mại khách sạn 05 sao Vincom-Vinpearl	Công ty CP Tập đoàn Vingroup	Thành phố Huế	Quý IV/2016- Quý II/2018		1.200.000	840.000	460.000	Dự kiến đến cuối quý II/2018 hoàn thành

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
1.2	Khu nghỉ dưỡng NAMA	Công ty TNHH đầu tư du lịch Kinh Thành	Thành phố Huế	Quý IV/2017- Quý IV/2018		196.560	40.000	50.000	
1.3	Trung Tâm tổ chức sự kiện và dịch vụ du lịch sen trắng	Công ty TNHH Sen Trắng Huế	Thành phố Huế	Giai đoạn 1: Quý II/2017- Quý II/2018 Giai đoạn 2: Quý II/2020- Quý IV/2022		135.000	40.000	55.000	Dự kiến đưa vào sử dụng giai đoạn I trước Festival 2018
2	Các dự án đang triển khai, dự kiến khởi công 2018					8.742.630	105.000	610.000	
2.1	Khu nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Mỹ An	Công ty CP du lịch Mỹ An	Huyện Phú Vang	Quý I/2018- Quý II/2019		544.800	20.000	50.000	
2.2	Trung tâm thương mại - dịch vụ - giải trí - văn phòng và khách sạn Nguyễn Kim	Công ty CP Đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	Thành phố Huế	Quý I/2018- Quý II/2022		822.830	25.000	30.000	
2.3	Dự án Công viên biển và bảo tàng Huế (Hue Amusement & Beach Park)	Tập đoàn PSH	Huyện Phú Vang	2017-2020		1.100.000	10.000	150.000	
2.4	Dự án sân golf quốc tế, khu dịch vụ phụ trợ, khu biệt thự nghỉ dưỡng	Tập đoàn BRG	Huyện Phú Vang	2017-2020		3.100.000	10.000	50.000	
2.5	Dự án sân golf Lộc Bình		Huyện Phú Lộc	2017-2020		700.000	10.000	50.000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng (đang nghiên cứu)
2.6	Dự án phục dựng Thái Y Viện		Thành phố Huế	2017-2019		120.000	10.000	50.000	của Công ty Đại Nam-Thái Y Viện (đang nghiên cứu)

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
2.7	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng và đô thị sinh thái biển Hải Dương	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng	xã Hải Dương, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế			2.000.000		50.000	
2.8	Rạp chiếu phim, Cinestar Huế	Công ty TNHH Rạp chiếu phim - thể thao và Giải trí Ngôi sao Huế	Thành phố Huế	Quý IV/2017 Quý IV/2018		150.000	20.000	130.000	
2.9	Dự án khu du lịch tại phường Hương Hồ	Công ty TNHH 01 TV Hue spirit Sanctuary	Thị xã Hương Trà	Quý IV/2017 Quý IV/2019		205.000		50.000	
III	Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng					5.956.597	991.000	732.000	
1	Các dự án đang triển khai, đã khởi công 2017					3.220.313	991.000	512.000	
1.1	Khu phức hợp Thủy Vân - GD 1	Công ty CP Apecland Huế	Thị xã Hương Thủy	2015-2023		1.593.974	292.000	150.000	
1.2	Khu văn phòng và nhà ở lô LK3	Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Diên Vial	Thành phố Huế	2015-2018		602.005	279.000	212.000	
1.3	Khu ở căn hộ cao cấp, biệt thự đa chức năng, dịch vụ, thương mại tại các lô TM2, OTM2, OTM4 & BT	Công ty cổ phần ANINVEST	Thành phố Huế	2015-2023		1.024.334	420.000	150.000	
2	Các dự án đang triển khai, dự kiến khởi công 2018					2.736.284	0	220.000	
2.1	Khu phức hợp đô thị tại khu B, khu đô thị An Vân Dương		Khu B, Khu Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế	2017-2024		1.400.000		50.000	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thành Nam (đang nghiên cứu)

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
2.2	Đường Nguyễn Văn Linh nối dài theo hình thức BT		Phường Hương An, thị xã Hương Trà, thành phố Huế	2017-2019		135.548		50.000	Công ty cổ phần Bất động sản Ân Nam (đang nghiên cứu)
2.3	Đường Tổ Hữu nối dài sân Bay Phú Bài theo hình thức BT		Thành phố Huế, Thị xã Hương Thủy	2017-2019		740.000		20.000	Tập đoàn Bitexco đang nghiên cứu
2.4	Công viên nghĩa trang Vườn Địa Đàng	Công ty Cổ phần Nhật Tiến Huế	Thị xã Hương Thủy	2018-2019	26 ha	200.000		50.000	
2.5	Công viên nghĩa trang tại phường Hương An, thị xã Hương Trà	Công ty Cổ phần VIF An Lộc	Thị xã Hương Trà	2017-2019		260.736		50.000	
IV	Các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp					199.000		123.000	
1	Các dự án đang triển khai, khởi công 2017							123.000	
1.1	Trang trại Tổng hợp Hoàng Bàng	Công ty CP lâm nghiệp 1-5	Huyện Phong Điền	2017-2018		199.000		123.000	
B	Các dự án trong KCN, KKT, Khu đô thị mới					51.647.515	7.949.000	2.327.315	
I	Các thuộc lĩnh vực công nghiệp					3.861.515	589.000	581.315	
1	Các dự án đang triển khai, khởi công 2017					1.751.515	584.000	501.315	
1.1	Nhà máy sợi chất lượng cao	Công ty Cổ phần Sợi Phú Anh	Khu công nghiệp Phú Bài	2017-2018		326.315	255.000	71.315	Triển khai Giai đoạn III
1.2	Dự án sản xuất lò bể Frit công suất 65.000 tấn/năm	Công ty CP Frit Huế	Khu công nghiệp Phú Bài	2017-2019		172.000	30.000	50.000	
1.3	Sản xuất và gia công các loại sản phẩm gỗ	Công ty TNHH Lee&Park Wood Complex	Khu công nghiệp Phong Điền	2017-2018		154.000	89.000	30.000	Triển khai Giai đoạn II

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
1.4	Nhà máy sản xuất vật liệu Cristobalite	Công ty TNHH MTV Dầu tư và Chế biến khoáng sản PHENIKAA Huế	Khu công nghiệp Phong Điện	2017-2018		488.300	160.000	50.000	
1.5	Nhà máy sản xuất gạch ốp lát granit công suất 7,2 triệu m2/năm	Công ty TNHH Vitto Phú Lộc	Khu công nghiệp La Sơn	2017-2018		610.900	50.000	300.000	
2	Các dự án đang triển khai, dự kiến khởi công 2018					2.110.000	5.000	80.000	
2.1	Nhà máy lắp ráp ô tô	Tập đoàn Sunjin Hàn Quốc	Chân Mây-Lăng Cô			2.000.000		20.000	
2.2	Dự án Nhà máy may 4	Công ty CP Dệt may Huế	Khu công nghiệp Phú Đa	2018-2018		80.000	5.000	30.000	
2.3	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Hoàng Gia Phát	Nhà máy sản xuất bao bì và công nghiệp phụ trợ Phú Đa	Khu công nghiệp Phú Đa	2018-2018		30.000		30.000	Dự kiến cấp phép đầu tư năm 2017
II	Các dự án thuộc lĩnh vực dịch vụ thương mại					41.997.000	6.740.000	970.000	
1	Các dự án đang triển khai, khởi công 2017					31.541.000	6.735.000	760.000	
1.1	Laguna Lăng Cô	Công ty TNHH Laguna (Việt Nam)	Chân Mây-Lăng Cô			14.000.000	6.000.000	300.000	Giai đoạn II
1.2	Khu nghỉ dưỡng Huyền thoại Địa Trung Hải	Công ty CP Tập đoàn xây dựng và phát triển nhà Vicoland		2016-2019		838.000	420.000	200.000	
1.3	Khu biệt thự du lịch sinh thái biển Lăng Cô Spa Resort	Công ty TNHH Dầu tư Xây dựng Du lịch Hồng Phúc		2016-2019		216.000	130.000	50.000	
1.4	Khu Du lịch nghỉ dưỡng quốc tế Minh Viên Lăng Cô	Công ty Cổ phần quốc tế Minh Viên		2018-2024		7.728.000	75.000	50.000	

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
1.4	Khu du lịch sinh thái đầm Lập An	Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco		2018-2021		3.316.000	10.000	50.000	
1.5	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sân golf Lăng Cô	Công ty CP ĐT Phát triển Phong Phú Lăng Cô		2018-2021		5.230.000	40.000	50.000	
1.6	Khu du lịch xanh Lăng Cô	Công ty TNHH Trùng Phương - Lăng Cô		2016-2019		213.000	60.000	60.000	
2	Các dự án đang triển khai, dự kiến khởi công 2018					10.456.000	5.000	210.000	
2.1	Khu phức hợp du lịch dịch vụ Đảng Kim Long Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Đảng Kim Long	Chân Mây - Lăng Cô			3.730.000		50.000	
2.2	Khu đô thị và du lịch	Công ty CP Đầu tư hạ tầng và đô thị Vinaconex	Chân Mây - Lăng Cô			908.000		50.000	
2.3	Tổng kho xăng dầu	Tập đoàn Sunjin Hàn Quốc	Chân Mây - Lăng Cô			600.000		30.000	
2.4	Khu du lịch giải trí công viên nước đầm Lập An	Tập đoàn Sunjin Hàn Quốc	Chân Mây - Lăng Cô			5.000.000		50.000	
2.5	Dự án khu du lịch Suối Voi	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoa Lư - Huế	Chân Mây - Lăng Cô	2018-2020		218.000	5.000	30.000	
III	Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng					5.789.000	620.000	776.000	
1	Các dự án đang triển khai, khởi công 2017					4.939.000	600.000	726.000	
1.1	Hạ tầng khu công nghiệp Phong Điền (khu C)	Công ty TNHH C&N Vina Huế- Hàn Quốc	Khu công nghiệp Phong Điền			410.000	150.000	50.000	
1.2	Bến số 3-Cảng Chân Mây	Công ty TNHH Hào Hưng Huế	Chân Mây - Lăng Cô	2016-2018		846.000	250.000	596.000	

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế thực hiện đến năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
1.3	Xây dựng hạ tầng khu CN và khu phi thuế quan Sài Gòn - Chân Mây	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Huế	Chân Mây - Lăng Cô	2017-2023		2.583.000	130.000	50.000	
1.4	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phong Điền-Viglacera	Tổng Công ty Viglacera-CTCP	Khu công nghiệp Phong Điền			1.100.000	70.000	30.000	
2	Các dự án đang triển khai, dự kiến khởi công 2018					850.000	20.000	50.000	
2.1	Bến số 02 - Cảng Chân Mây	Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây	Chân Mây - Lăng Cô			850.000	20.000	50.000	
	Tổng cộng					72.639.016	11.851.500	6.027.315	